

Yên Định, ngày 26
tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 239/2023/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Bùi Hải S**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: **Khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.**

- Bị đơn: Chị **Ngô Thị H**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: **Phố K, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Bùi Hải S** và chị **Ngô Thị H**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh **Bùi Hải S** và chị **Ngô Thị H** thống nhất trình bày vợ

chồng có 01 con chung là cháu **Bùi Hải D**, sinh ngày 13/02/2021. Anh **S** và chị **H** thống nhất thỏa thuận: Chị **Ngô Thị H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Bùi Hải D**. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh **S** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12/2023, cho tới khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh **S** có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh **Bùi Hải S** và chị **Ngô Thị H** thống nhất trình bày. Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh **Bùi Hải S** và chị **Ngô Thị H** thống nhất thỏa thuận anh **S** chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh **S** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, theo biên lai thu số AA/2023/0005953 ngày 27/11/2023. Chấp nhận anh **S** đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Đương sự;
- UBND xã Yên Trường, huyện Yên Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Thắng